TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 10 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp về xin ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, xác định cha mẹ cho con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Khuyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp về xin ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, xác định cha mẹ cho con".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 55/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1954; Địa chỉ: số 196/31, Lý Văn Lâm, khóm 2, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Tôn Quách T, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: Số 05, Khu liên kế 11, đường Vành đai 2, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Ủy ban nhân dân huyện U (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Tuyết H là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ ngày 21/7/1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Mộng Kiều, sinh ngày 24/4/1987; Nguyễn Thị Mộng Thơ, sinh ngày 01/01/1989; Nguyễn Lộc Ngân, sinh ngày 01/01/1998. Hiện tại ba con chung đã thành niên có khả năng lao động tự lo cuộc sống nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản:

+ Phần đất trồng rừng và sản xuất kết hợp diện tích 05 ha (theo đo đạc diện tích 49.761 m^2), tọa lạc ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Về nguồn gốc đất do trước đây bán phần đất nhà nước giao và mua phần đất này, chứ không phải mua từ tiền ông T bán đất ở huyện Năm Căn như ông T trình bày. Bà không xác định được giá trị phần đất này. Bà yêu cầu chia hai mỗi người nhận ½ diện tích kẻ thẳng từ mặt tiền cho tới hậu đất, bà yêu cầu được nhận đất.

+ Trên phần đất nói trên có 01 căn nhà cấp 04 chiều ngang 4,5 mét, dài 20 mét, trị giá khoảng 400.000.000 đồng, căn nhà hiện nay ông T quản lý. Bà yêu cầu chia ½ giá trị, ông T nhận nhà và ông T hoàn lại cho bà số tiền 200.000.000 đồng.

+ Trên phần đất nói trên theo bản vẽ diện tích trồng tràm tổng cộng 6.374,7 m^2, tại biên bản hòa giải bà xác định giá trị khoảng 20.000.000 đồng, còn tại phiên tòa bà không xác định được giá trị. Bà yêu cầu chia hai, ông T hoàn lại cho bà ½ gía trị.

+ Trên phần đất nói trên có cho Công ty TNHH Tthuê đặt trụ ăntenn phát sóng, hợp đồng cho thuê thời hạn 05 năm, mỗi năm là 16.000.000 đồng tùy thời điểm, ông T nhận tiền cho thuê. Bà yêu cầu chia hai mỗi người nhận ½ số tiền cho

thuê tính từ ngày 01/10/2021 với thời gian 03 năm bằng 48.000.000 đồng, ông T hoàn lại cho bà số tiền 24.000.000 đồng.

+ Tủ thờ, tủ lạnh, tivi, salong trong nhà hiện ông T quản lý, giá trị các tài sản này khoảng 35.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia hai, ông T hoàn lại cho bà ½ giá trị với số tiền 17.500.000 đồng.

+ Phần đất theo đo đạc diện tích 500 m^2 và căn nhà cất trên đất, tọa lạc tại ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau, do bà đứng tên QSD đất được cấp ngày 12/10/2016. Phần đất có giá trị khoảng 200.000.000 đồng, căn nhà có giá trị khoảng 50.000.000 đồng. Bà xác định phần đất và căn nhà này là tài sản riêng của bà nên không đồng ý phân chia.

+ Về khoản tiền vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U số tiền 100.000.000 đồng, số tiền vay sử dụng sửa nhà 40.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng bà quản lý. Ông T đã đứng ra trả xong vốn lãi cho Ngân hàng. Bà đồng ý đối trừ các khoản tiền ông T giữ gồm tiền cho thuê trụ ăntên trong 04 từ năm 2017 - 2020 là 56.000.000 đồng, năm 2019 bán cây keo lai được 70.000.000 đồng, năm 2017 bán bờ tràm được 15.000.000 đồng, cộng lại với số tiền là 141.000.000 đồng. Do đối trừ số tiền trả nợ Ngân hàng với số tiền ông T giữ nói trên gần bằng nhau nên bà không yêu cầu chia số tiền nói trên.

+ Bà xác định khi gả con gái thì gia đình bên sui gia có cho tiền để cất nhà tổng cộng khoảng 330.000.000 đồng, không phải tiền mượn của con gái như ông T trình bày nên bà không phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền này.

+ Về số tiền ông T cho rằng tiền mượn của cháu Kiều 560.000.000 đồng (lần đầu 500.000.000 đồng, lần hai 60.000.000 đồng), số tiền này do ông T mượn nên bà không phải có nghĩa vụ trả nợ.

+ Về tiền bán heo 50.000.000 đồng và tiền nhận tiền bồi thường đất 54.000.000 đồng do bà giữ, nhưng bà đã trả nợ và chi xài trong gia đình hiện không còn nên bà không đồng ý phân chia.

+ Về số vàng 2,7 cây vàng 24k ông T trình bày bà giữ là không có nên bà không đồng ý phân chia.

+ Về tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội, bà và ông T đã trả xong nên không đồng ý phân chia.

Ngoài các tài sản nói trên bà không còn giữ tài sản nào khác cũng như không có thiếu nợ ai.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian vợ chồng chung sống như bà H trình bày là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng là do bà H có quan hệ không rõ ràng, giữ tiền của gia đình

nhưng chi xài không rõ ràng, bỏ nhà đi nhiều lần thời gian đi từ năm 2016 đến nay, bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông xác định Nguyễn Thị Mộng Kiều, sinh ngày 24/4/1987 và Nguyễn Thị Mộng Thơ, sinh ngày 01/01/1989 là con chung của ông với bà H. Đối với Nguyễn Lộc Ngân, sinh ngày 01/01/1998 không phải con chung của ông và bà H, do cháu Ngân có ngoại hình và tính tình không giống ông, ông yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cháu Ngân không phải con chung của ông với bà H.

Về tài sản:

+ Phần đất trồng rừng và sản xuất kết hợp diện tích 05 ha (theo đo đạc diện tích 49.761 m^2), tọa lạc ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Về nguồn gốc đất do trước đây bán phần đất cha mẹ cho ở huyện Năm Căn lấy tiền mua phần đất này. Ông không xác định được giá trị phần đất này. Ông xác định phần đất này là tài sản riêng của ông nên không đồng ý phân chia.

+ Về căn nhà cất trên phần đất nói trên hiện tại giá trị khoảng 300.000.000 đồng, căn nhà này do con gái gởi tiền về cất. Ông xác định căn nhà này là tài sản riêng của ông nên không đồng ý phân chia.

+ Trên phần đất nói trên theo bản vẽ diện tích trồng tràm tổng cộng 6.374,7 m^2 (hiện tại còn khoảng 2.000 m^2). Ông xác định đây là tài sản riêng của ông nên không đồng ý phân chia.

+ Trên phần đất nói trên có cho Công ty TNHH Tthuê đặt trụ ăntên phát sóng, do ông đứng tên hợp đồng cho thuê, tiền cho thuê hàng năm do ông giữ. Ông xác định đây là tài sản riêng của ông nên không đồng ý phân chia.

+ Tủ thờ, tủ lạnh, tivi, salong trong nhà do cháu Kiều gởi tiền về mua, hiện ông đang quản lý, ông không xác định được giá trị các tài sản này. Ông xác định đây là tài sản riêng của ông nên không đồng ý phân chia.

+ Phần đất theo đo đạc diện tích 500 m^2 và căn nhà cất trên đất, tọa lạc tại ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau, do bà H quản lý đứng tên QSD đất được cấp ngày 12/10/2016. Phần đất có giá trị khoảng 430.000.000 đồng, căn nhà có giá trị khoảng 37.000.000 đồng. Ông xác định phần đất và căn nhà này là tài sản chung của ông và bà H nên ông yêu cầu chia hai, bà H hoàn lại cho ông ½ giá trị.

+ Khi bỏ nhà ra đi bà H đem theo 732.000.000 đồng và 2,7 lượng vàng 24k. Số tài sản này là tài sản chung của ông và bà H nên ông yêu cầu chia hai, bà H hoàn lại cho ông ½ số tiền vàng đã giữ.

+ Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U số tiền vay 100.000.000 đồng, bà H giữ số tiền này, sau đó ông mượn tiền của con gái cháu Kiều 60.000.000 đồng và tiền bán cây 70.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng tổng cộng là 134.000.000 đồng, ông yêu cầu chia hai, bà H hoàn lại cho ông ½ số tiền đã trả cho Ngân hàng.

+ Nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay hơn 6.000.000 đồng, vay để cho con đi học, ông đã trả xong nên yêu cầu chia hai, bà H hoàn lại cho ông ½ số tiền đã trả cho Ngân hàng.

+ Nợ con gái cháu Kiều tiền mượn cất nhà khoảng 500.000.000 đồng, ông yêu cầu ông và bà H mỗi người có trách nhiệm trả cho cháu Kiều ½ số tiền mượn.

- Ông Lâm Hoàn Cầu (đại diện Công ty TNHH Toàn Phát) trình bày:

Công ty TNHH Tcó thuê phần đất của ông T để đặt trụ ăntenphát sóng, tiền thuê từ năm 2021 trở về trước là 14.000.000 đồng/năm, còn tiền thuê từ năm 2021 trở lại đây là 16.000.000 đồng/năm, tiền thuê đất hàng năm Công ty trả cho ông Thiên. Công ty không có ý kiến và yêu cầu gì tại vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau Quyết định:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T xác định cháu Nguyễn Lộc Ngân, sinh ngày 01/01/1998 không phải là con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết H.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Tuyết H và ông Nguyễn Văn T được phân chia như sau:

Ông Nguyễn Văn T được chia 01 căn nhà cấp 04 theo đo đạc diện tích 200,17 m^2, tọa lạc tại ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 10/01/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau).

Bà Nguyễn Tuyết H được chia phần đất theo đo đạc diện tích 500 m^2 và 01 căn nhà cất trên đất diện tích 48,51 m^2, tọa lạc tại ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 12/01/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau).

Ông Nguyễn Văn T được quản lý, sử dụng cây tràm trồng trên phần đất theo đo đạc tổng diện tích 6.374,7 m^2, tọa lạc tại ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 10/01/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau). Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị cây tràm cho bà Nguyễn Tuyết H với số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn T được quản lý, sử dụng tủ thờ, tủ lạnh, tivi, salong (số tài sản này ông T quản lý). Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị tài sản cho bà Nguyễn Tuyết H với số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn T được chia ½ số tiền cho thuê đặt trụ ăntentrên đất với số tiền 24.000.000 đồng (số tiền này ông T quản lý). Ông Nguyễn Văn T có nghĩa

vụ hoàn lại ½ số tiền cho thuê đặt trụ ăntenn trên đất cho bà Nguyễn Tuyết H với số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Tuyết H được chia ½ số tiền bán heo và tiền bồi thường đất với số tiền 52.000.000 đồng (số tiền này bà H quản lý). Bà Nguyễn Tuyết H có nghĩa vụ hoàn lại ½ số tiền bán heo và tiền bồi thường đất cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Tuyết H có nghĩa vụ hoàn lại ½ số tiền trả nợ Ngân hàng chính sách hội cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Tuyết H yêu cầu phân chia phần đất theo đo đạc diện tích 49.761 m^2, tọa lạc tại ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 10/01/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2024, bà Nguyễn Tuyết H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, chia đôi phần đất rừng kết hợp sản xuất, và không buộc bà giao lại số tiền bán heo và bồi thường đất vì đã chi sài hết trong thời kì hôn nhân.

Ngày 05/6/2024, ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét việc xác định Nguyễn Lộc Ngân không phải con ông nhưng chưa được giải quyết; Án sơ thẩm chưa xem xét như: 40.000.000 đồng tiền gả con, 10.000.000 đồng xe Wavi do bà H giữ, 2,7 lượng vàng 24k do bà H giữ, 8.000.000 đồng do bà H đập phá nhà, trụ ăng ten năm 2021 bà H bỏ nhà đi, bà H cắt khẩu năm 2013 nên bà H không được chia ½ giá trị; các đồ dùng trong nhà do con gái tên Kiều gửi tiền mua nên không chia cho bà H; yêu cầu chia đôi khoản nợ vay Ngân hàng 100.000.000 đồng; không đồng ý trả lại cho bà H chi phí đo đạc đất 3.712.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà H trình bày: Phần đất rừng được cấp cho hộ gia đình, là tài sản chung của vợ chồng, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và ông T trình bày: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, không chấp nhận kháng cáo của bà H.

Bà Điệp trình bày: Yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy án sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng nên đề nghị hủy án đối với phần các đương sự kháng cáo, phần không kháng cáo giữ nguyên nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 308, 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của các đương sự, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần xác định cha cho con và phần tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Tuyết H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T và chia tài sản chung. Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu về việc xác định cha con với Nguyễn Lộc Ngân và chia tài sản chung. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn. Nên các đương sự kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xác định cháu Nguyễn Lộc Ngân không phải là con chung của ông T và bà H nhưng án sơ thẩm không đưa Nguyễn Lộc Ngân vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền nhân thân của Nguyễn Lộc Ngân.

[2.2] Ông T và bà H yêu cầu chia tài sản chung, các đương sự đều xác định có nợ số tiền 500.000.000 đồng do chị Nguyễn Mộng Kiều gửi về để cất nhà. Tại hồ sơ có đơn của chị Kiều thể hiện là yêu cầu chia phần đối với căn nhà. Án sơ thẩm không đưa chị Kiều vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Kiều.

[2.3] Trong quá trình thu thập chứng cứ có liên quan đến phần đất rừng diện tích 49.761m^2 tại ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Hợp đồng giao khoán giữa Lâm ngư trường và ông T đã hết hạn. Cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ để xác định phần đất rừng trên cơ quan nào đang quản lý để đưa cơ quan quản lý phần đất trên vào tham gia tố tụng.

Mặc khác, đối với yêu cầu chia tài sản chung các phần đất đã ký hợp đồng giao khoán với Lâm ngư trường, các đương sự chưa thực hiện việc định giá về thành quả lao động nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của các đương sự.

[3] Từ những vi phạm của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung và xác định quan hệ cha con.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét đến nội dung kháng cáo của các đương sự.

[6] Án phí phúc thẩm: các đương sự không phải chịu, có nộp tạm ứng được nhận lại. Án phí sơ thẩm về phần chia tài sản và chi phí tố tụng được giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Tuyết H, ông Nguyễn Văn T.

1. Giữ nguyên một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Về yêu cầu của ông Nguyễn Văn T xác định cháu Nguyễn Lộc Ngân, sinh ngày 01/01/1998 không phải là con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết H.

Về tài sản chung giữa bà Nguyễn Tuyết H và ông Nguyễn Văn T.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Tuyết H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 19/3/2021, bà H có nộp tạm ứng số tiền 21.000.000 đồng (lai thu số 0006251) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U được chuyển thu đối trừ, số tiền còn thừa được giải quyết khi Tòa án giải quyết lại vụ án xác định cha cho con và chia tài sản chung.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia tài sản chung và chi phí tố tụng được giải quyết khi Tòa án thụ lý giải quyết lại vụ án.

3.2. Án phí phúc thẩm:

Ông T, bà H không phải chịu. Ông T được miễn án phí nên không đặt ra việc hoàn lại. Ngày 31/5/2024, bà H có nộp tạm ứng 300.000 đồng (lai thu số 0006487) tại Chi cục Thi hành án huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào